TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GC
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-2-2023.
V/v Tranh chấp "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị An Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Võ Thành Dương, ông Nguyễn Văn Đảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Toà án nhân dân thị xã GC.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Phong, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 2 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 270/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 12 năm 2022, về " *Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 2 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1972; (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 3, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 3, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh H trình bày: anh và chị H1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, vợ chồng chung sống với nhau tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn, cũng không nghe cấp chính quyền địa phương kêu gọi việc đăng kí kết hôn trễ hạn, do vợ chồng có thời gian đi làm ăn xa và cũng không hiểu biết pháp luật vì không đăng kí kết hôn nhưng vẫn làm khai sinh cho con được nên không quan tâm tới. Nay vợ chồng có mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, không hàn gắn được đã ly thân.

Do đã mâu thuẫn nên vợ chồng anh không cần thiết phải đăng kí kết hôn. Nay anh H yêu cầu Tòa giải quyết không công nhận giữa anh H và chị H1 là vợ chồng.

Về con chung: Có hai người con chung tên Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1998; Nguyễn Trường TH, sinh năm 2004 đã trưởng thành, có khả năng lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung anh H và chị H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và biên bản hòa giải chị Nguyễn Thị H1 là bị đơn trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh H trình bày là đúng. Vợ chồng chị chung sống với nhau từ năm 1994 đến nay không đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn vợ chồng xãy ra do bất đồng quan điểm, không tin tưởng, không còn tình cảm với anh H và đã sống ly thân, nay chồng chị yêu cầu không công nhận giữa chồng chị và chị là vợ chồng, chị cũng đồng ý.

Về con chung có 02 con như anh H trình bày;

Về tài sản chung, nợ chung:chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Anh Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị H1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ *14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;* Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 là vợ chồng.

Về con chung: anh chị có 02 con tên Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1998; Nguyễn Trường TH, sinh năm 2004 đã trưởng thành, có khả năng lao động được, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về án phí sơ thẩm thì anh H chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Nguyễn Văn H có đơn đề nghị giải quyết yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 cùng địa chỉ ấp 3, xã BX, thị xã GC, Tiền Giang theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: anh H và chị H1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994 đến nay không đăng ký kết hôn. Nay anh chị không thể hàn gắn tình cảm cùng có yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận giữa anh chị là vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc anh H và chị H1 chung sống thời gian dài, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận và theo điểm b mục 3 nghị quyết 35/2000 là từ sau ngày 01/01/2003 mà không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận là vợ chồng. Nên Hội đồng xét xử không xem xét tình trạng hôn nhân của anh chị mâu thuẫn có trầm trọng hay không trầm trọng, để có căn cứ cho ly hôn hay không cho ly hôn theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Mà cần xem xét giải quyết hậu quả giữa anh H và chị H1 chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình, thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền và nghĩa vụ đối với con và tài sản giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nhưng anh H, chị H1 không có yêu cầu Tòa án giải quyết về con, tài sản.

[3] Về con chung: Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1998; Nguyễn Trường TH, sinh năm 2004 đã trưởng thành, có khả năng lao động được, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét;

[5] Tuy nhiên cũng giải thích cho anh H, chị H1 và người dân được biết trường hợp nam, nữ đủ tuổi kết hôn có đủ điều kiện để kết hôn thì phải đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình quy định thì sẽ được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng nếu nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng như trường hợp của anh H, chị H1 chung sống như vợ chồng trong thơi gian dài, nếu không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận là vợ chồng.

[6] Về án phí: anh Nguyễn Văn H là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b, Mục 3 nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc Hội Khóa X ngày 09/6/2000 Về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn H.

1.Về hôn nhân không công nhận anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 là vợ chồng.

2. Về án phí: anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007129 ngày 08/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GC. Như vậy, anh Nguyễn Văn H đã nộp đủ án phí.

3.Về quyền kháng cáo: anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Án Tuyên kết thúc cùng ngày.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã GC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. án văn.09.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị An Thư